BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
Số: 650/ĐKVN-VAR

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2015

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 8675
Ngày 12 tháng 3 năm 15

HƯỚNG DẪN

Thực hiện một số điểm của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Căn cứ Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư 85);

Căn cứ Thông tư số 42/2014/TT-BGTVT ngày 15/09/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thùng xe của xe tự đổ, xe xi téc, xe tải tham gia giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư 42);

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-BGTVT ngày 05/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Cục Đăng kiểm Việt Nam hướng dẫn cụ thể một số điểm của Thông tư 85 như sau:

1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1.1. Hướng dẫn thực hiện thiết kế, thẩm định thiết kế cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là xe cơ giới);

1.2. Hướng dẫn thi công và nghiệm thu xe cơ giới cải tạo;

1.3. Làm căn cứ cho việc hướng dẫn và kiểm tra thực hiện công tác cải tạo xe cơ giới.

2. Hướng dẫn một số điểm của Thông tư 85

2.1. **Điều 4:**

a) Khoản 1: Không cải tạo thay đổi mục đích sử dụng (công dụng) giữa các loại xe chở người, xe tải, xe chuyên dùng có thời gian sử dụng trên 15 năm.

b) Khoản 1, khoản 2: Thời gian sử dụng được tính theo năm. Ví dụ: Xe cơ giới được sản xuất trong tháng 01/2010 đến tháng 12/2015 được tính có thời gian sử dụng là: 2015-2010 = 05 năm.

c) Khoản 3: Trường hợp lắp đặt thêm mui phủ phải giữ nguyên thùng xe của xe nguyên thủy. Thời gian được tính theo tháng. Ví dụ: Xe cơ giới được kiểm định an

toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường lần đầu vào ngày 30/01/2015 thì đến ngày 01/07/2015 được tính là: 07 - 01 = 06 tháng.

d) Khoản 12: Đối với trường hợp cải tạo thay đổi khoảng cách giữa các trục của xe cơ giới khi cải tạo thành xe chuyên dùng, đầu kéo thì phải đảm bảo không được dẫn tới cải tạo hệ thống lái.

đ) Khoản 14: Xe tải cải tạo thành xe tải loại khác; xe xi téc cải tạo thành xe xi téc loại khác; xe loại khác (ví dụ: xe chuyên dùng, xe tải không thùng đã qua sử dụng được phép nhập khẩu,...) cải tạo thành xe tải, xe xi téc thì kích thước thùng xe (bao gồm chiều cao bên trong của thùng xe (H_t), chiều cao phần thành bên có tấm bọc (H_c)), thể tích xi téc của xe sau cải tạo theo quy định tại Thông tư 42 tương ứng cho loại xe đó.

2.2. **Điều 5:**

Hồ sơ thẩm định thiết kế phải có ký hiệu riêng, không trùng lặp và không quá 20 ký tự để phục vụ quản lý trên Chương trình quản lý cải tạo xe cơ giới (sau đây gọi tắt là Chương trình cải tạo). Cơ quan thẩm định thiết kế hướng dẫn Cơ sở thiết kế ghi ký hiệu thiết kế.

2.3. **Điều 7:**

a) Khoản 1:

- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo được in từ Chương trình cải tạo, có đầy đủ các nội dung theo mẫu tại Phụ lục II Thông tư 85. Phôi Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo theo mẫu tại Phụ lục 1 của Hướng dẫn này có các đặc điểm chống làm giả do Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất phát hành.

- Đối với trường hợp cải tạo toàn bộ buồng lái, thân xe, khoang chở khách của xe chở người; cải tạo lắp mới thùng xe của xe tải thành xe tải thùng kín (có hai mặt của vách thùng xe được bọc kín), xe tải bảo ôn, xe tải đông lạnh theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Thông tư 85 thì Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo phải ghi rõ yêu cầu về nghiệm thu kết cấu khung xương của thân xe, thành thùng xe và các chi tiết, bộ phận khác trong vỏ xe, thành thùng xe trước khi bọc kín vào phần nội dung chính của thiết kế cải tạo để Cơ sở thi công thực hiện theo quy định.

- Số Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo được ghi theo mẫu (để sử dụng trong Chương trình cải tạo). Cách ghi như sau:

Mã số cơ quan thẩm định thiết kế - Số thứ tự/năm/TĐTK

Trong đó:

+ Mã số cơ quan thẩm định thiết kế theo Phụ lục 2 của Hướng dẫn này;

+ Số thứ tự gồm 4 chữ số, lấy theo năm, mỗi năm bắt đầu từ số 0001, theo thứ tự tăng dần, liên tục.

Ví dụ: Số Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo đầu tiên của Sở Giao thông vận tải Hà Nội cấp năm 2015: *29-0001/2015/TĐTK.*

- Số Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo trong năm 2015 được lấy tiếp theo các số đã cấp trong năm 2015 theo quy định tại Thông tư số 29/2012/TT-BGTVT.

b) Điểm d khoản 4: Đối với trường hợp chủ xe mới có Giấy hẹn cấp Giấy đăng ký xe thì Cơ sở thẩm định thiết kế vẫn tiếp nhận Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế; Cơ sở thiết kế có trách nhiệm nộp bản sao Giấy đăng ký xe ô tô có xác nhận của Cơ sở thiết kế khi nhận Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế.

c) Khoản 5: Cơ quan thẩm định thiết kế có trách nhiệm niêm yết công khai thủ tục hành chính về thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo và Thông tư 85 tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

2.4. **Khoản 1 Điều 8:**

a) *Xe cơ giới có đăng ký biển số của địa phương* được hiểu như sau:

- Xe cơ giới có biển số đăng ký của địa phương.

- Xe cơ giới đang làm thủ tục chuyển vùng về địa phương để đăng ký biển số.

- Xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu có địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoặc mua xe tại địa phương.

b) Việc cải tạo thân xe hoặc thùng chở hàng của xe tải bao gồm việc lắp đặt thêm thiết bị phục vụ việc bốc xếp và chở hàng cho xe tải thông dụng gồm: cần cẩu; thiết bị nâng hạ hàng phía sau; giá chữ A; giá chở két bia; thiết bị tạo khí ô xy; kết cấu chở gia súc, gia cầm; cải tạo sơ mi rơ moóc chở công-ten-nơ thành sơ mi rơ moóc tải có thùng chở hàng thông dụng.

2.5. **Điều 10:**

a) Khoản 3: Xe cơ giới cải tạo có thể thực hiện nghiệm thu tại các đơn vị đăng kiểm trong cả nước.

b) Khoản 5: Trường hợp thân xe, thùng xe được làm từ vật liệu composite hoặc loại tương đương (không có khung xương) thì không phải thực hiện nghiệm thu trước phần kết cấu khung xương của thân xe, thùng xe.

c) Điểm c Khoản 7: Ảnh chụp phải rõ nét, thể hiện được nội dung cải tạo; đối với ảnh tổng thể kiểu dáng xe thì phải thể hiện rõ phần phía trước và phía sau của xe cơ giới.

d) Khoản 9: Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo được in từ Chương trình cải tạo, có đầy đủ nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục IX Thông tư 85. Phần nội dung kiểm tra xe cơ giới cải tạo phải thể hiện chi tiết, đầy đủ nội dung kiểm tra.

- Số Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo ghi theo mẫu sau:

Mã số đơn vị đăng kiểm - Số thứ tự/năm/KTCL

Trong đó:

+ Số thứ tự gồm 4 chữ số, lấy theo năm, mỗi năm bắt đầu từ số 0001, theo thứ tự tăng dần, liên tục.

+ Mã số của Cục Đăng kiểm Việt Nam là VR.

Ví dụ: Số Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo đầu tiên của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 2901V - Thành phố Hà Nội cấp năm 2015: *2901V-0001/2015/KTCL.*

- Số Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo trong năm 2015 được lấy tiếp theo các số đã cấp trong năm 2015 theo quy định tại Thông tư số 29/2012/TT-BGTVT.

đ) Đối với việc nghiệm thu xe cơ giới cải tạo có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật, sử dụng cùng một thiết kế đã được thẩm định và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo phải do cùng một cơ sở cải tạo thi công và được nghiệm thu tại cùng một cơ quan nghiệm thu đã nghiệm thu sản phẩm đầu.

2.6. **Khoản 1 Điều 11**

- Giấy chứng nhận cải tạo được in từ Chương trình cải tạo, có đầy đủ nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Thông tư 85.

- Phôi Giấy chứng nhận cải tạo theo mẫu tại Phụ lục 3 của Hướng dẫn này có các đặc điểm chống làm giả do Cục Đăng kiểm Việt Nam thống nhất phát hành.

- Giấy chứng nhận cải tạo không còn giá trị khi bị sửa chữa, tẩy xóa, nhàu nát không rõ nội dung.

- Số Giấy chứng nhận cải tạo ghi theo mẫu sau:

Mã số đơn vị đăng kiểm - Số thứ tự/năm/CNCT

Trong đó:

+ Số thứ tự gồm 4 chữ số, lấy theo năm, mỗi năm bắt đầu từ số 0001, theo thứ tự tăng dần, liên tục.

+ Mã số của Cục Đăng kiểm Việt Nam là VR.

Ví dụ: Giấy chứng nhận cải tạo đầu tiên của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 2901V - Thành phố Hà Nội cấp năm 2015: *2901V-0001/2015/CNCT.*

- Số Giấy chứng nhận cải tạo trong năm 2015 được lấy tiếp theo các số đã cấp trong năm 2015 theo quy định tại Thông tư số 29/2012/TT-BGTVT.

2.7. **Khoản 2 Điều 11**

Trường hợp sau khi nghiệm thu đạt yêu cầu và được cấp Giấy chứng nhận cải tạo, nếu chủ xe có nhu cầu kiểm định ngay thì Đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm định và thực hiện bổ sung Hồ sơ phương tiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 56/2012/TT-BGTVT ngày 27/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải.

2.8. **Khoản 6 Điều 11:** Cơ quan nghiệm thu có trách nhiệm niêm yết công khai thủ tục hành chính về cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo và Thông tư 85 tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

3. Sử dụng Chương trình cải tạo

3.1. Cán bộ thực hiện thẩm định thiết kế, đăng kiểm viên thực hiện nghiệm thu cải tạo phải sử dụng Chương trình cải tạo để in:

- Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.
- Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.
- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.
- Báo cáo công tác cải tạo.

3.2. Cán bộ thực hiện thẩm định thiết kế, đăng kiểm viên thực hiện nghiệm thu cải tạo được cấp tên đăng nhập, mật khẩu để sử dụng Chương trình cải tạo và phải chịu trách nhiệm bảo mật cơ sở dữ liệu, tên đăng nhập, mật khẩu được cấp.

3.3. Chỉ các cán bộ thẩm định thiết kế, đăng kiểm viên đã tham gia tập huấn nghiệp vụ về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định trong công tác cải tạo xe cơ giới mới được sử dụng Chương trình cải tạo. Chương trình cải tạo thuộc bản quyền của Cục Đăng kiểm Việt Nam và chỉ được sử dụng trong công tác cải tạo xe cơ giới.

4. Sử dụng Phôi Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế, Giấy chứng nhận cải tạo, lưu trữ hồ sơ, báo cáo công tác cải tạo

4.1. Sử dụng Phôi Giấy chứng thẩm định thiết kế.

a) Sở Giao thông vận tải gửi đề nghị cung cấp phôi Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế cải tạo xe cơ giới về Phòng Kiểm định xe cơ giới, Cục Đăng kiểm Việt Nam trước ngày 01 tháng 01 và 01 tháng 07 hàng năm.

b) Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm nhận, kiểm tra, ký xác nhận số lượng Phôi trong Phiếu cấp phát và gửi trả lại Phòng Kiểm định xe cơ giới.

c) Sở Giao thông vận tải chỉ sử dụng Phôi Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp.

d) Trong quá trình sử dụng, các Phôi hỏng, Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế quá hạn phải lưu trữ để kiểm tra, đối chiếu và chỉ hủy sau khi đã phối hợp với Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm kê.

4.2. Sử dụng Phôi Giấy chứng nhận cải tạo.

a) Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới gửi đề nghị cung cấp phôi Giấy chứng nhận cải tạo từ ngày 15 đến ngày 20 hàng tháng cùng đề nghị cấp Ấn chỉ kiểm định.

b) Đơn vị đăng kiểm có trách nhiệm nhận, kiểm tra, ký xác nhận số lượng Phôi trong Phiếu cấp phát và gửi trả lại Phòng Kiểm định xe cơ giới.

c) Đơn vị đăng kiểm chỉ sử dụng Phôi Giấy chứng nhận cải tạo đã cấp cho Đơn vị.

d) Trong quá trình sử dụng, các Phôi hỏng, Giấy chứng nhận cải tạo quá hạn phải lưu trữ để kiểm tra đối chiếu hàng năm và chỉ hủy sau khi đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm kê.

4.3. Lưu trữ hồ sơ: Hồ sơ thẩm định thiết kế và Hồ sơ nghiệm thu xe cơ giới cải tạo được lưu trữ đầy đủ, bảo quản tốt, dễ tra cứu.

a) Lưu trữ Hồ sơ thẩm định thiết kế bao gồm:

- 01 Bộ thiết kế và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.
- Các giấy tờ quy định tại các điểm a, c, d, khoản 4 Điều 7 Thông tư 85.

b) Lưu trữ Hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

- Bản sao Liên 2 của Giấy chứng nhận cải tạo.
- Biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.
- Các giấy tờ, hồ sơ quy định tại khoản 7 Điều 10 Thông tư 85.
- Ảnh chụp khung xương và các chi tiết, bộ phận khác (đối với trường hợp phải nghiệm thu trước phần kết cấu khung xương của thân xe, thùng xe).

c) Liên 2 (dùng cho kiểm định) của Giấy chứng nhận cải tạo được lưu trữ vào Hồ sơ phương tiện tại Đơn vị đăng kiểm quản lý Hồ sơ phương tiện.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Hướng dẫn này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 03 năm 2015 và bãi bỏ các văn bản sau đây:

a) Hướng dẫn số 1819/ĐKVN-VAR ngày 20/09/2012 của Cục Đăng kiểm Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số điểm của Thông tư số 29/2012/TT-BGTVT ngày

31/07/2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

b) Văn bản số 2534/ĐKVN-VAR ngày 02/07/2014 của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

c) Nội dung tại các văn bản khác của Cục Đăng kiểm Việt Nam trái với Hướng dẫn này.

5.2. Phòng Kiểm định xe cơ giới có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện, báo cáo về công tác cải tạo xe cơ giới.

b) Phối hợp với Trung tâm Tin học hướng dẫn sử dụng Chương trình cải tạo, quản lý cơ sở dữ liệu cải tạo, tên truy cập, mật khẩu để sử dụng Chương trình cải tạo của cán bộ thẩm định thiết kế, đăng kiểm viên nghiệm thu xe cơ giới cải tạo.

c) Thực hiện nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư 85.

5.3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân cần thông báo về Cục Đăng kiểm Việt Nam để tổng hợp và giải quyết.

Nơi nhận :
- Bộ Giao thông vận tải (để b/c);
- Các Sở Giao thông vận tải;
- Các Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới;
- Cục CSGTĐB - ĐS (để phối hợp);
- Các cơ sở thiết kế, cơ sở cải tạo;
- Các Phó Cục trưởng (để c/đ);
- Lưu VP, VAR.

CỤC TRƯỞNG

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Trần Kỳ Hình

PHỤ LỤC 1

MẪU PHÔI GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XE CƠ GIỚI CẢI TẠO

(kèm theo Hướng dẫn số 650ĐKVN- VAR ngày 02 tháng 03 năm 2015 của Cục Đăng kiểm Việt Nam)

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XE CƠ GIỚI CẢI TẠO

Số sê ri (TĐTK .....)

PHỤ LỤC 2

MÃ SỐ CƠ QUAN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 650/ĐKVN-VAR ngày 02 tháng 03 năm 2015 của Cục Đăng kiểm Việt Nam)

TT	Tên cơ quan thẩm định thiết kế	Mã số
1.	Sở GTVT Cao Bằng	11
2.	Sở GTVT Lạng Sơn	12
3.	Sở GTVT Quảng Ninh	14
4.	Sở GTVT Hải Phòng	15
5.	Sở GTVT Thái Bình	17
6.	Sở GTVT Nam Định	18
7.	Sở GTVT Phú Thọ	19
8.	Sở GTVT Thái Nguyên	20
9.	Sở GTVT Yên Bái	21
10.	Sở GTVT Tuyên Quang	22
11.	Sở GTVT Hà Giang	23
12.	Sở GTVT Lào Cai	24
13.	Sở GTVT Lai Châu	25
14.	Sở GTVT Sơn La	26
15.	Sở GTVT Điện Biên	27
16.	Sở GTVT Hoà Bình	28
17.	Sở GTVT Hà Nội	29
18.	Sở GTVT Hải Dương	34
19.	Sở GTVT Ninh Bình	35
20.	Sở GTVT Thanh Hoá	36
21.	Sở GTVT Nghệ An	37
22.	Sở GTVT Hà Tĩnh	38
23.	Sở GTVT TP. Đà Nẵng	43
24.	Sở GTVT Đắk Lắk	47
25.	Sở GTVT Đắk Nông	48
26.	Sở GTVT Lâm Đồng	49
27.	Sở GTVT TP. Hồ Chí Minh	50
28.	Sở GTVT Đồng Nai	60
29.	Sở GTVT Bình Dương	61
30.	Sở GTVT Long An	62
31.	Sở GTVT Tiền Giang	63
32.	Sở GTVT Vĩnh Long	64

TT	Tên cơ quan thẩm định thiết kế	Mã số
33.	Sở GTVT Cần Thơ	65
34.	Sở GTVT Đồng Tháp	66
35.	Sở GTVT An Giang	67
36.	Sở GTVT Kiên Giang	68
37.	Sở GTVT Cà Mau	69
38.	Sở GTVT Tây Ninh	70
39.	Sở GTVT Bến Tre	71
40.	Sở GTVT Bà Rịa - Vũng Tàu	72
41.	Sở GTVT Quảng Bình	73
42.	Sở GTVT Quảng Trị	74
43.	Sở GTVT Thừa Thiên Huế	75
44.	Sở GTVT Quảng Ngãi	76
45.	Sở GTVT Bình Định	77
46.	Sở GTVT Phú Yên	78
47.	Sở GTVT Khánh Hoà	79
48.	Cục Đăng kiểm Việt Nam	80
49.	Sở GTVT Gia Lai	81
50.	Sở GTVT Kon Tum	82
51.	Sở GTVT Sóc Trăng	83
52.	Sở GTVT Trà Vinh	84
53.	Sở GTVT Ninh Thuận	85
54.	Sở GTVT Bình Thuận	86
55.	Sở GTVT Vĩnh Phúc	88
56.	Sở GTVT Hưng Yên	89
57.	Sở GTVT Hà Nam	90
58.	Sở GTVT Quảng Nam	92
59.	Sở GTVT Bình Phước	93
60.	Sở GTVT Bạc Liêu	94
61.	Sở GTVT Hậu Giang	95
62.	Sở GTVT Bắc Cạn	97
63.	Sở GTVT Bắc Giang	98
64.	Sở GTVT Bắc Ninh	99

PHỤ LỤC 3

MẪU PHÔI GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI CẢI TẠO

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 650/ĐKVN- VAR ngày 02 tháng 03 năm 2015 của Cục Đăng kiểm Việt Nam)

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI CẢI TẠO

Liên 1: Dùng cho đăng ký biển số

(Liên 2: Dùng cho kiểm định)